



tīng xiàn

汀线

noun · shoreline, water's edge

Example Sentence

Wǒ men yán zhe tīng xiàn sàn bù kàn xī yáng xī xià
我们沿着汀线散步，看夕阳西下。

We walked along the shoreline and watched the sunset.

Trace each character, then write the word on your own.

汀汀汀汀汀汀汀

线 线 线 线 线 线 线 线 线 线 线